

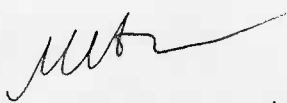
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày: 01/01/2017 đến ngày: 31/12/2017

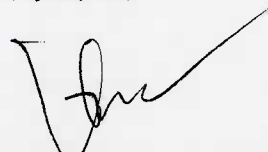
Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		214.469.040.680	181.203.226.635
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		14.665.275	8.944.303
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		214.454.375.405	181.194.282.332
4. Giá vốn hàng bán	11		179.297.129.668	149.233.688.365
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11)	20		35.157.245.737	31.960.593.967
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		111.215.819	577.277.057
7. Chi phí tài chính	22		2.136.401.522	3.159.837.447
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.056.458.368	2.885.343.943
8. Chi phí bán hàng	25		4.939.355.510	3.890.763.789
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		26.539.451.039	24.252.729.256
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.653.253.485	1.234.540.532
11. Thu nhập khác	31		2.478.908.431	140.043.629
12. Chi phí khác	32		2.710.609.815	173.457.323
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(231.701.384)	(33.413.694)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.421.552.101	1.201.126.838
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		275.646.453	229.815.576
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.145.905.648	971.311.262
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)


Trần Thị Minh Huệ

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)


Trần Thị Đức Hậu

Ngày 29 tháng 3 năm 2018
Giám đốc
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Kim Quang Minh